

## VAI TRÒ CỦA HỘ GIA ĐÌNH TRONG PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG SẢN XUẤT QUY MÔ TIỂU ĐIỀN TẠI 6 TỈNH VÙNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP (FSDP)

Hoàng Liên Sơn, Đỗ Đình Sâm và Nguyễn Gia Kiêm  
*Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam*

### TÓM TẮT

Nghiên cứu vai trò của hộ gia đình trong phát triển rừng trồng sản xuất quy mô tiểu điền được thực hiện trên địa bàn 6 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định vùng dự án FSDP cho thấy: Hộ gia đình (HGD) có vai trò rất lớn trong phát triển rừng trồng sản xuất. Họ là chủ thể được giao một diện tích lớn đất lâm nghiệp vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam trung bộ. Tổng diện tích rừng trồng do HGD gây trồng ở 2 vùng này được là 516.666,89 ha, chiếm 74,3% diện tích đất giao, nên đã tạo ra vùng nguyên liệu gỗ đủ lớn để cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến gỗ trong vùng và lân cận, góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020. HGD là nhân tố trung tâm để đưa vốn và kỹ thuật trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền. Họ là người thực hành và bổ sung hoàn thiện các nội dung kỹ thuật trồng rừng và quản lý sử dụng rừng quy mô tiểu điền. Bên cạnh đó, mỗi HGD được xem là là "tế bào gốc" để hình thành phương án cấp chứng chỉ rừng (CCR) theo nhóm.

**Từ khóa:** *Rừng trồng sản xuất, quy mô tiểu điền, chứng chỉ rừng.*

### **The role of household planting tree at smallholder scale in six provinces under Forestry Sector Development Project (FSDP)**

Research on the role of household in tree planting at smallholder scale is done in 6 provinces of Thanh Hoa, Nghe An, Thua Thien - Hue, Quang Nam, Quang Ngai and Binh Dinh under the FSDP project area, which indicated that: Households have a major role in development of forest plantation. They are all allocated to a large area of forest land in the North and South Central Coast region. Total area of forest plantation established by households is 516,666.89 ha, accounting for 74.3% of allocated forest land in this region. So, they have created a large enough area of forest plantation to provide raw materials for timber industry and contributing to the target of Forestry development Strategy 2006-2020, as well. Household is a central element to be provided capital and technical support at smallholder scale in tree planting. They are practitioners to complete technical silviculture for tree planting and tree management at smallholder scale of plantation. Besides, each of HGD was considered the "stem cells" to form forest certification (FSC) group.

**Key words:** *Forest plantation, smallholder scale, Forest certificate*

## I. MỞ ĐẦU

Rừng trồng tiểu điền là rừng trồng sản xuất có diện tích nhỏ, thường diện tích nhỏ hơn 31ha (so với quy định trang trại lâm nghiệp), sản lượng và giá trị rừng của một đơn vị chủ rừng nhỏ. Theo quy định của Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp (FSDP), gọi tắt là dự án WB3, là không quá 10ha. Đối tượng có thể tham gia, gồm: cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân.

Với mục tiêu phát triển lâm nghiệp, nâng cao đời sống người dân và ổn định chính trị - xã hội, Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp cung cấp khoản vốn vay với lãi suất thấp thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho hộ gia đình để thiết lập một hệ thống 66.000ha rừng trồng thương mại quy mô tiểu điền có năng suất cao và đem lại hiệu quả kinh tế cho người trồng rừng trên địa bàn 6 tỉnh: Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thanh Hóa và Nghệ An. Các hộ gia đình đã tích cực tham gia trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền mà điểm “kích hoạt” là chính sách đầu tư tín dụng với lãi suất ưu đãi, trong bối cảnh cần phải vận dụng đồng bộ hệ thống chính sách hiện hành có liên quan. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là các HGD đã thể hiện vai trò như thế nào trong từng chính sách cụ thể nhằm mục tiêu trồng rừng sản xuất (TRSX) quy mô tiểu điền đạt hiệu quả và phát triển bền vững.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

- *Phương pháp thu thập và tổng hợp tài liệu thứ cấp, gồm:* Tài liệu chính sách; và

các nghiên cứu về đất đai, đầu tư tín dụng và chứng chỉ rừng.

- *Phương pháp trao đổi phỏng vấn:* Hệ thống các câu hỏi bán định hướng và bảng hỏi được chuẩn bị cho tất cả các cơ quan, tổ chức có liên quan từ tỉnh, huyện, xã, cán bộ phụ trách và tham gia Dự án WB3.

- *Phương pháp điều tra khảo sát HGD:*

❖ Phương pháp xác định dung lượng mẫu điều tra khảo sát

○ Lựa chọn xã điều tra khảo sát: Mỗi tỉnh chọn ít nhất một huyện. Mỗi huyện chọn 1 xã theo tổ hợp các tiêu chí như sau:

- ✓ Xã có nhiều diện tích RTSX trong khuôn khổ Dự án WB3
- ✓ Xã có nhiều hộ tham gia TRSX trong khuôn khổ dự án WB3
- ✓ Xã có diện tích RTSX tiềm năng cho việc cấp Chứng chỉ rừng.
- ✓ Xã có nhiều cơ sở chế biến và thu mua nguyên liệu gỗ rừng trồng.

○ Lựa chọn hộ điều tra khảo sát. Mỗi xã chọn 01 đến 02 thôn để lựa chọn hộ điều tra khảo sát theo tổ hợp các tiêu chí sau:

- ✓ Hộ có tham gia dự án WB3.
- ✓ Hộ không tham gia dự án WB3.
- ✓ Hộ đồng bào dân tộc/hộ nghèo.
- ✓ Chọn hộ theo các loài cây trồng.
- ✓ Chọn hộ theo cấp tuổi rừng trồng.
- ✓ Chọn hộ theo mô hình đa dạng hóa sản phẩm rừng trồng (gỗ lớn, gỗ nhỏ, lâm sản khác).
- ✓ Chọn hộ theo mô hình đa dạng hóa mô hình trồng rừng (cây mọc nhanh, thuần loài, hỗn loài).

- Phương pháp xác định dung lượng hộ điều tra khảo sát trong mỗi thôn như sau:

Công thức xác định số hộ điều tra khảo sát/thôn:

$$X = 0,2 ; 0,6 ; 0,8 \text{ hoặc } 1 * \sqrt{Y}$$

Trong đó,

- X là số mẫu cần thu thập (hộ, nhóm hộ)
- Y là tổng số mẫu hiện có (hộ, nhóm hộ)
- 0,2; 0,6; 0,8; 1 là hệ số tùy thuộc vào tổng diện tích rừng trồng hiện có của các HGĐ/thôn, theo quy ước:

Nếu diện tích rừng:

- <1000ha, Hệ số = 1
- > 1000 - 2000ha, Hệ số = 0,8
- > 2000 - 4000ha, Hệ số = 0,6
- > 4000ha, Hệ số = 0,2

- Dung lượng mẫu điều tra hộ gia đình: Áp dụng phương pháp nêu trên, có 76 hộ gia đình được lựa chọn điều tra khảo sát theo bảng câu hỏi phỏng vấn trên địa bàn 12 thôn của 6 tỉnh: Thừa

Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thanh Hóa và Nghệ An vùng dự án.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Vai trò HGĐ trong quản lý và sử dụng đất trồng rừng sản xuất

Giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp và cấp GCNQSDĐ cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp là chủ trương lớn của Nhà nước thông qua các văn bản về Luật như Luật Đất đai 2003, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004, Nghị định số 02-CP, 163/1999/NĐ-CP và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Đây là những chính sách tạo khung pháp lý quan trọng cho phát triển lâm nghiệp nói chung và rừng trồng sản xuất nói riêng. Theo số liệu Bộ Tài nguyên và Môi trường, tính đến thời điểm năm 2010, diện tích đất trồng rừng đã giao cho các chủ sử dụng là 1.875.811ha, trong đó các HGĐ được giao diện tích lớn nhất (1.226.657ha) chiếm tỷ lệ 65%.

**Bảng 1.** Diện tích đất trồng rừng phân theo chủ quản lý và sử dụng tính đến năm 2010

Đối tượng quản lý và sử dụng	Cả nước		Vùng Bắc Trung bộ		Vùng Duyên hải Nam Trung bộ	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	2.003.522		524.942		280.015	
1. Đối tượng sử dụng	1.875.811	100	486.399	100	268.017	100
- Hộ gia đình	1.226.657	65,0	335.899	69,0	190.759	68,1
- Tổ chức kinh tế	468.752	24,8	101.484	20,9	39.625	17,8
- DN Nhà nước	121.978	6,5	27.612	5,7	18.104	6,8
- Tổ chức khác	14.093	0,8	1.980	0,4	753	0,3
- UBND cấp xã sử dụng	39.411	2,1	18.964	3,9	9.707	3,6
- Liên doanh	32					
- 100% vốn N.Ngoài	9.907	0,5			9.067	3,4
- Cộng đồng	4.888	0,3	461	0,1	2	
2. Đối tượng Quản lý (UBND xã chưa giao)	127.711		38.543		11.997	

(Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường. Kiểm kê đất đai toàn quốc, 2010).

Số liệu tại bảng 1 cho thấy quy mô diện tích đất trồng rừng được quản lý sử dụng bởi các chủ sử dụng rất khác nhau trên phạm vi toàn quốc. Đặc biệt, số liệu của 2 vùng (Bắc Trung bộ và Duyên Hải Nam Trung bộ) trong bối cảnh toàn quốc về giao đất lâm nghiệp trồng rừng cho các chủ thể quản lý sử dụng cũng cho thấy bức tranh tương tự. Quy mô diện tích do các HGD quản lý sử dụng chiếm tỷ trọng lớn, 69% và 68,1% tương ứng cho vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ so với tổng

diện tích đất trồng rừng sản xuất được giao cho các chủ sử dụng.

Trong 6 tỉnh vùng Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp (FSDP), diện tích đất trồng rừng của các hộ gia đình cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất so với các chủ quản lý sử dụng khác. Số liệu được trình bày cụ thể tại bảng 2 cho thấy, diện tích của các hộ tại Thanh Hoá chiếm 77,47%, tại Quảng Ngãi là 73,88%, tại Nghệ An là 45,93%, tại Huế là 38,41%, Bình Định và Quảng Nam là trên 29% (bảng 2).

**Bảng 2.** Diện tích đất trồng rừng phân theo chủ sử dụng tại 6 tỉnh tính đến năm 2012

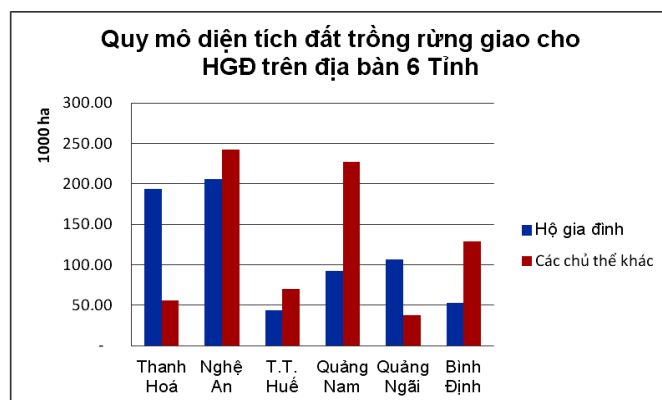
*Đơn vị: ha*

Chủ thể quản lý và sử dụng	Tỉnh điều tra khảo sát					
	Thanh Hoá	Nghệ An	T.T. Huế	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định
Hộ gia đình	193.448,96	205.630,43	43.427,90	92.865,67	106.256,90	53.380,50
Ban QLR	26.879,86	149.461,68	31.009,50	25.863,46	17.280,90	51.732,22
DN Nhà nước	11.252,93	52.959,39	11.107,70	5.884,98	6.809,50	18.774,18
Tổ chức kinh tế	-	84,20	1.073,00	663,22	816,60	12.217,90
Đơn vị vũ trang	4.948,43	1.693,60	2.441,60	1.085,44	292,80	2.779,74
Cộng đồng	-	-	16.294,60	8.776,22	-	182,43
Tổ chức khác	4.148,15	265,93	2.059,00	327,05	240,20	539,60
UBND (chưa giao)	9.022,36	37.606,12	5.653,40	184.108,75	12.131,40	43.000,99
Tổng diện tích (ha)	249.700,69	447.701,35	113.066,70	319.574,79	143.828,30	182.607,56

(Nguồn: Chi cục kiểm lâm các tỉnh, 2012).

Tổng diện tích đất trồng rừng của các HGD chiếm tỷ trọng lớn so với diện tích của 7 chủ thể khác gộp lại, thậm chí cao hơn gấp từ 2 đến 3 lần (biểu đồ 1) tại tỉnh Quảng Ngãi và Thanh Hóa. Điều này cho thấy, trong các tỉnh thực hiện nghiên cứu,

HGD luôn đóng vai trò quan trọng trong quản lý và sử dụng đất trồng rừng, đặc biệt trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền, góp phần rất lớn vào thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020.



**Biểu đồ 1.** So sánh quy mô diện tích đất trồng rừng của HGD

Như vậy, HGD đã nhận thức rõ ràng về cơ hội tiếp cận đất lâm nghiệp trồng rừng sản xuất. Với vai trò là chủ sử dụng được giao diện tích rừng lớn, các HGD đã khẳng định vị trí trung tâm để tiếp cận các nguồn lực đầu tư tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ khuyến lâm cho phát triển rừng trồng sản xuất quy mô tiểu điền.

Kết quả trồng rừng trên đất lâm nghiệp sau khi giao là một chỉ số đánh giá rõ vai trò của từng chủ thể trong phát triển rừng trồng sản xuất quy mô tiểu điền tại 6 tỉnh. Số liệu tại bảng 3 cho thấy:

- Tỷ lệ diện tích rừng trồng so với diện tích đất trồng rừng được giao của các HGD luôn cao hơn của 7 chủ thể khác gộp lại tại 6 tỉnh điều tra khảo sát.

- Quy mô diện tích đất trồng rừng giao cho HGD tại mỗi tỉnh rất khác nhau, nhưng diện tích rừng trồng của hộ chiếm tỷ lệ lớn (trên 70%) so với diện tích đất trồng rừng được giao. Điều này cho thấy rằng, các hộ nhận đất đã cân nhắc đến nguồn nội lực (lao động, vốn đầu tư và kinh nghiệm sản xuất) hiện có để quản lý, sử dụng đất hiệu quả.

- Tổng diện tích rừng trồng (516.666,89 ha) chiếm 74,3% so với diện tích đất được giao cho HGD đã tạo ra vùng nguyên liệu gỗ đủ lớn để cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận.

**Bảng 3.** Kết quả trồng rừng trên đất lâm nghiệp được giao của HGD tính đến năm 2012

Tỉnh điều tra khảo sát	Các chủ thể khác			Hộ gia đình		
	Diện tích giao (ha)	Diện tích rừng (ha)	So sánh	Diện tích giao (ha)	Diện tích rừng (ha)	So sánh
Thanh Hoá	56.251,73	31.654,93	56,3%	193.448,96	135.495,89	70,0%
Nghệ An	242.070,92	47.339,21	19,6%	205.630,43	102.117,23	49,7%
Huế	69.638,80	48.749,20	70,0%	43.427,90	43.269,90	99,6%
Quảng Nam	226.709,12	37.465,08	16,5%	92.865,67	81.899,97	88,2%
Quảng Ngãi	37.571,40	37.571,40	100,0%	106.256,90	106.256,90	100,0%
Bình Định	129.227,06	47.810,40	37,0%	53.380,50	47.627,00	89,2%
Tổng diện tích (ha)	761.469,03	250.590,22	32,9%	695.010,36	516.666,89	74,3%

(Nguồn: Chi cục kiểm lâm 6 Tỉnh, 2012).

Kết quả hỗ trợ của Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp (FSDP) cho công tác giao đất lâm nghiệp cho trồng rừng sản xuất trên địa bàn 6 tỉnh rất phù hợp với nguyện vọng của người dân địa phương. Đến hết năm 2012 Dự án đã hỗ trợ 24.357 HGD để được Nhà nước giao đất và cấp giấy CNQSDĐ rừng trồng sản xuất với diện tích 42.969ha, bình quân mỗi hộ có 1,76ha đất được cấp giấy. Đây là điều kiện tiên quyết để các HGD tiếp cận thêm các nguồn lực hỗ trợ bên ngoài cho phát triển trồng rừng sản xuất.

### 3.2. Vai trò của HGD trong quản lý và sử dụng đầu tư tín dụng TRSX quy mô tiểu điền

Kết quả trắc nghiệm các tiêu chí (bảng 4) để đánh giá vai trò của HGD trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư tín dụng phát triển trồng rừng sản xuất cho thấy: Phần lớn (78,9%) các HGD rất quan tâm đến thời hạn vay vốn và cho rằng thời hạn đầu tư hợp lý, cho chu kỳ kinh doanh rừng từ 7 đến 15 năm. Điều này được chứng minh rằng, có đến 69,7% số hộ được hỏi đã đầu tư hết số tiền được

vay từ Dự án cho hoạt động trồng rừng, trong đó có khoảng 75% số HGD hứa sẽ trả vốn và lãi đúng hạn, theo họ những biến động về thiên tai bão, gió và cháy rừng là những nguyên nhân tác động đến khả năng trả vốn và lãi của hộ. Bên cạnh đó, một số hộ đã chủ động hơn trong việc tìm kiếm sự hỗ trợ đầu tư tài chính cho trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền, trong đó có 8% từ các nguồn khác và 17% từ vốn của HGD.

Số hộ gia đình còn lại trong mẫu điều tra (30,3%) đã sử dụng một phần số tiền vay được đầu tư cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác. Mặc dù, nguồn vốn không được đầu tư hoàn toàn đúng theo mục đích vốn vay, nhưng đây là chiến lược quản lý tài chính “vi mô” linh hoạt ở cấp HGD, trong khi vừa đảm bảo có đủ diện tích rừng theo cam kết vay vốn đồng thời có vốn đầu tư cho các hoạt động sản xuất khác. Như vậy, việc tiếp cận vốn vay ưu đãi của HGD không chỉ hỗ trợ trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền phát triển mà còn có ý nghĩa cho nông nghiệp và phát triển nông thôn nói chung.

**Bảng 4.** Quản lý vốn vay của HGD trồng rừng sản xuất

Tiêu chí điều tra khảo sát	Đơn vị tính	Chỉ số
Tỷ lệ HGD cho rằng thời hạn vay phù hợp với chu kỳ kinh doanh	%	78,9
Tỷ lệ HGD sử dụng hết vốn vay đầu tư cho trồng rừng sản xuất	%	69,7
Tỷ lệ HGD có khả năng trả vốn và lãi	%	75,0
Tỷ lệ HGD tiếp cận vốn từ các nguồn khác	%	8,0
Tỷ lệ HGD tự bỏ vốn đầu tư	%	17,0

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2012).

Vai trò của HGD trong quản lý và sử dụng đầu tư tín dụng TRSX quy mô tiểu điền là điều kiện đủ để họ nhận được hỗ trợ từ bên ngoài (Dự án) là nguồn lực tài chính. Tuy nhiên, Dự án đã áp dụng cơ chế đầu tư cho hộ nông dân vay vốn lãi suất ưu đãi + chi góp vốn 1/4 theo định suất đầu tư, vừa giúp các hộ tháo gỡ được khó khăn cơ bản đó nhưng cũng không đặt hộ vào thế cù “ngồi chờ” hay “bao cấp” bằng vốn hỗ trợ cho không. Vì vậy, vai trò của HGD đã được nâng lên trong bối cảnh kinh doanh rừng trồng bằng vốn “vay ngân hàng”, điều mà trước đó chưa thành tiền lệ trong quyết định đầu tư tài chính của họ.

**3.3. Vai trò của HGD trong quản lý kỹ thuật TRSX**

HGD với vai trò là nhân tố trung tâm trong quá trình thực hành các biện pháp kỹ thuật lâm sinh. Tuy nhiên, để đảm bảo thành công cho phương án vay vốn đầu tư tài chính trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền, phần lớn HGD lựa chọn quản lý kỹ thuật trồng rừng rất đơn giản được mô tả như bảng 5. Số liệu cho thấy, tay nghề trồng rừng của các HGD đã được cải thiện, với 46,1% số HGD được hỏi có bón phân cho rừng trồng. Đây là hoạt động kỹ thuật chưa từng được áp dụng nhưng đặc biệt có ý nghĩa trong việc quản lý và sử dụng rừng trồng sản xuất quy mô tiểu điền và có mối quan hệ với quyết định vay vốn đầu tư tài chính của họ nhằm đảm bảo vốn vay được bảo toàn.

**Bảng 5.** Quản lý kỹ thuật trồng rừng của HGD

Tiêu chí điều tra khảo sát	Đơn vị tính	Chỉ số
Loại cây trồng		
- Các loại bạch đàn	%	6,7
- Các loài Keo	%	97,3
Trồng thuần loài	%	91,0
Trồng hỗn giao 2 loài	%	3,9
Trồng NLKH giai đoạn đầu	%	7,9
Tỷ lệ HGD có bón phân rừng trồng	%	46,1
Mật độ cây trồng bình quân/ha	Cây/ha	2.000

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2012)

**3.4. Vai trò HGD trong chứng chỉ rừng trồng sản xuất quy mô tiểu điền vùng Dự án**

Mỗi HGD là một "tế bào gốc" để hình thành nhóm HGD trồng rừng có chứng chỉ. Kết quả các nhóm HGD tiềm năng

cho việc cấp chứng chỉ rừng (CCR) tại 4 tỉnh đã được thiết lập thí điểm với 335 hộ tham gia, diện tích 810,51ha. Ở Bình Định, các xã thí điểm cấp CCR là Cát Lâm, Cát Hiệp thuộc huyện Phù Cát với 9 nhóm hộ (181 hộ), diện tích 282,7ha; ở

Quảng Ngãi là xã Đức Lâm thuộc huyện Mộ Đức với 4 nhóm hộ tham gia (69 hộ), diện tích 315,9ha; ở Quảng Nam có xã Hiệp Thuận (huyện Hiệp Đức) với 4 nhóm hộ (40 hộ), diện tích 123,8ha; ở Thừa Thiên Huế là xã Phú Lộc (Lộc Bồn) có 2 nhóm hộ (45 hộ), diện tích 88ha.

Các nhóm hộ này được tổ chức dưới hình thức tổ hợp tác tự nguyện nên đã tạo ra những diện tích rừng trồng đủ lớn để khắc phục sự manh mún về diện tích rừng trồng nhằm cung cấp ổn định nguyên liệu gỗ rừng trồng cho sản xuất chế biến công nghiệp. Hình thức tổ chức này đã giảm thiểu chi phí trong khâu công việc bảo vệ rừng, đặc biệt chi phí cấp chứng chỉ rừng. Đây là cách tiếp cận hữu ích và tiên tiến nhằm hướng tới QLR trồng sản xuất quy mô tiểu điền bền vững. Dự án khuyến khích tất cả các HGD thể hiện vai trò trọng tâm để tham gia nhóm chứng chỉ rừng. Việc cấp CCR theo nhóm đã tạo ra những tác động tích cực đến các HGD tham gia nhóm CCR hướng tới rừng trồng sản xuất quy mô tiểu điền được quản lý bền vững. Giá gỗ nguyên liệu có chứng chỉ dự kiến sẽ cao hơn khoảng 20% so với giá gỗ từ rừng chưa cấp chứng chỉ, tạo cơ hội nâng cao thu nhập cho người trồng rừng.

### 3.5. Đề xuất khuyến nghị

Vai trò của HGD đã được thể hiện rõ nét trong phát triển trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền dưới các khía cạnh về quản lý đất đai, đầu tư tín dụng, quản lý

kỹ thuật trồng rừng và chứng chỉ rừng. Căn cứ vào những kết quả nghiên cứu đã đạt được, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm hoàn thiện thể chế chính sách cho trồng rừng sản xuất, đồng thời nâng cao vai trò của hộ gia đình, cụ thể như sau:

#### a) *Giao đất và cấp GCNQSDĐ*

Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí giao đất, cấp GCNQSDĐ trồng rừng sản xuất cho HGD

Hai Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên có văn bản thống nhất về định mức/chi phí giao đất giao rừng để áp dụng thống nhất trong cả nước.

#### b) *Đầu tư tín dụng*

Nhà nước hỗ trợ hộ gia đình trồng rừng sản xuất theo 3 mức như sau:

- ✓ Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất cho những hộ gia đình ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo phân loại địa bàn ưu đãi đầu tư trong Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (không kể hộ gia đình đó là hộ nghèo hay không); nên tập trung vào những huyện, xã nghèo.
- ✓ Đối với những địa bàn khác Nhà nước có chính sách cho hộ gia đình nghèo được vay vốn thời hạn từ 7 đến 12 năm với lãi suất ưu đãi, hiện tại là 0,65%/tháng thời gian vừa qua các ngân hàng đã hạ lãi suất huy động, do vậy đề nghị Nhà



nước điều chỉnh lãi suất cho vay xuống còn 0,5%/tháng.

- ✓ Ngoài hai đối tượng trên, Nhà nước hỗ trợ 50% chênh lệch lãi suất giữa ngân hàng thương mại với Ngân hàng chính sách xã hội, ví dụ ngân hàng thương mại cho vay 11,0%/năm Ngân hàng chính sách xã hội cho vay lãi suất 7,8%/năm đề nghị Nhà nước hỗ trợ hộ gia đình  $(11,0 - 7,8) \times 50\% = 1,6\%/năm$

### c) Thành lập tổ hợp tác trồng rừng

Nhóm hộ hộ ND trồng rừng đã được thành lập ở dự án WB3 nhưng hoạt động còn nhiều lúng túng và không có tư cách pháp nhân. Do vậy có thể tiến hành thành lập các tổ hợp tác trồng rừng dựa trên Nghị định số 151/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Việc thành lập các tổ hợp tác trồng rừng tự nguyện của HGD là nền tảng hình thành tổ chức hợp tác trong trồng rừng sản xuất để khắc phục sự manh mún về diện tích rừng trồng, tạo vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp ổn định nguồn nguyên liệu gỗ cho ngành chế biến, giảm thiệt hại khi rủi ro xảy ra, giảm chi phí khi tham gia chứng chỉ rừng trồng và cơ hội tham gia bảo hiểm rừng trồng sản xuất cao hơn.

## IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết các HGD trên địa bàn nghiên cứu đã nhận thức đầy đủ về quyền lợi và nghĩa vụ của người được Nhà nước giao đất và cấp QSD đất lâm nghiệp. Các chính sách cơ bản về đất đai như: Luật Đất đai 2003, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004, Nghị định số 02-CP, 163/1999/NĐ-CP và Nghị định số 181/2004/ NĐ-CP của Chính Phủ đã được triển khai thực hiện trong thực tiễn sản xuất.

HGD luôn đóng vai trò quan trọng trong quản lý và sử dụng đất trồng rừng, đặc biệt trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền, góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020. Họ là chủ sử dụng một diện tích lớn đất lâm nghiệp được giao (695.010,36ha), chiếm (69%) tổng diện tích đất lâm nghiệp trồng rừng. HGD gây trồng được khoảng 517.000ha, chiếm 74,3% diện tích đất giao.

HGD là nhân tố trung tâm để đưa vốn và kỹ thuật trồng rừng sản xuất quy mô tiểu điền.

HGD là người thực hành và bổ sung hoàn thiện các nội dung kỹ thuật trồng rừng và quản lý sử dụng rừng quy mô tiểu điền. Bên cạnh đó, mỗi HGD được xem là là “**tế bào gốc**” để hình thành phương án cấp chứng chỉ rừng (CCR) theo nhóm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Ban Quản lý dự án Phát triển lâm nghiệp các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định về Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2012.

2. Các báo cáo chuyên đề của gói thầu Nghiên cứu phát triển thể chế số TV49/2012 ngày 03/8/2012 của Viện QLRBV và Chứng chỉ rừng với Dự án WB3.
3. Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn.
4. Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020.
5. Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015.
6. Trần Thanh Cao, 2011, Đề tài “Phân tích ngành hàng gỗ rừng trồng nhằm đề xuất các giải pháp phát triển trồng rừng sản xuất”.

**Người thẩm định:** Chuyên gia Vũ Long